

Đương Sô: Xemtuong - Âm Nam

Cung mệnh: Đinh Mão - Thai Nguyên: Bính Dần

Thân Vượng: Mộc 29/50

Dụng Thần: Thủ Hỏa

lá số tử trù và bình giải

Trụ Năm 1979			Trụ Tháng 11			Trụ Ngày 24			Trụ Giờ 6:01		
T.Tài	MÙI	Thai	Tỷ	HỢI	Tử	Thân	T.Tài	Tử	T.Tài	MÃO	Thai
KỶ		Q.Đới	ẤT	Nhâm	Tử	ẤT	MÙI	Dưỡng	KỶ	Ât	Bệnh
Kỳ	Át	Đinh	Giáp	Nhâm	Tử	Kỷ	Ât	Đinh	KỶ	Tỷ	
T.Tài	Tỷ	Thực	Kiếp	Án	T.Tài	T.Tài	Tỷ	Thực	T.Tài	Tỷ	Tử
Thai	Tử	Thai	T.Sinh	L.Quan	Thai	Tử	Tử	Thai			
Dưỡng			Tử			Dưỡng			Lâm Quan		
Hoa Cái			Thiên Đức QN			Thiên Đức QN			Quy Lộc		Cửu Quý PH.
Thái Cực			Học Sỹ			Hoa Cái			Tướng Tình		
Phúc Tinh			Quốc Ân			Thái Cực			Tiền Thần		
			Đức Quý Nhân			Đức Quý Nhân			Phúc Tinh		
Đại Vận 0 (0 - 4 tuổi)			Đại Vận 1 (5 - 14 tuổi)			Đại Vận 2 (15 - 24 tuổi)			Đại Vận 3 (25 - 34 tuổi)		
Tỷ	HỢI	Tử	Kiếp	TUẤT	Dưỡng	Kiêu	DẬU	Bệnh	Án	THÂN	T.Sinh
Ất			GIÁP	Đinh	Tân	QUÝ			NHÂM	MẬU	Canh
Giáp	Nhâm		Mậu	Thực	Sát		Tân		ÂM	Ât	Quý
Kiếp	Án		Tài	Thực	Sát		Sát		Át	Tỷ	Kiều
T.Sinh	L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đới		L.Quan		Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng
Đại Vận 4 (35 - 44 tuổi)			Đại Vận 5 (45 - 54 tuổi)			Đại Vận 6 (55 - 64 tuổi)			Đại Vận 7 (65 - 74 tuổi)		
Sát	MÙI	Suy	Quan	NGỌ	M.Dục	T.Tài	TY	Đ.Vượng	Tài	THỊN	Q.Đới
TÂN			CANH	Kỷ		ẤT	Mậu	Canh	MẬU	Ât	
Kỳ	Át	Đinh	Đinh	T.Tài		Bính	Tài	Quan	MẬU	Quý	
T.Tài	Tỷ	Thực	Thực	L.Quan		Thương	L.Quan	T.Sinh	Tài	Tỷ	Kiều
Q.Đới	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan			L.Quan	L.Quan		Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng
Đại Vận 8 (75 - 84 tuổi)			Đại Vận 9 (85 - 94 tuổi)			Đại Vận 10 (95 - 104 tuổi)			Đại Vận 11 (105 - 114 tuổi)		
Thực	MÃO	Bệnh	Thương	DÀN	T.Sinh	Tỷ	SỬU	Suy	Kiếp	TY	M.Dục
ĐINH			BÍNH	DÀN		ẤT	Tân	Quý	GIÁP	Quý	
Át			Giáp	Bính	Mậu	Kỷ	Sát	Kiều		Kiếp	
Tỷ			Kiếp	Thương	Tài	T.Tài	Mộ	Đ.Vượng			
L.Quan			L.Quan	T.Sinh	T.Sinh	Mộ	Dưỡng	Q.Đới	L.Quan		

T.Tài	1979	1 tuổi	Quan	1980	2 tuổi	Sát	1981	3 tuổi	Án	1982	4 tuổi
KỶ	MÙI	Q.Đới	CANH	THÂN	L.Quan	TÂN	DẬU	L.Quan	NHÂM	TUẤT	Q.Đới
Kiếp	1984	6 tuổi	ẤT	Tỷ	1985	7 tuổi	Thương	1986	8 tuổi	Thực	1987
GIÁP	TÝ	M.Dục			SƯU	Suy	BÍNH	DÀN	MÃO	ĐINH	Bệnh
T.Tài	1989	11 tuổi	Quan	1990	12 tuổi	Sát	1991	13 tuổi	Án	1992	14 tuổi
KỶ	TỶ	Đ.Vượng	CANH	NGỌ	M.Đục	TÂN	MÙI	Suy	NHÂM	THÂN	Bệnh
Kiếp	1994	16 tuổi	Tỷ	ẤT	1995	17 tuổi	Thương	1996	18 tuổi	Thực	1997
GIÁP	TUẤT	Dưỡng		HỢI	Tử	BÍNH	TÝ	Thai	NGỌ	SỬU	Mộ
T.Tài	1999	21 tuổi	Quan	2000	22 tuổi	Sát	2001	23 tuổi	Án	2002	24 tuổi
KỶ	MÃO	Bệnh	CANH	THỊN	Dưỡng	TÂN	ẤT	Tử	NHÂM	NGỌ	Thai
Kiếp	2004	26 tuổi	ẤT	Tỷ	2005	27 tuổi	Thương	2006	28 tuổi	Thực	2007
GIÁP	THÂN	Tuyệt			DẬU	Tuyệt	BÍNH	TUẤT	MÃO	HỢI	Đ.Vượng
T.Tài	2009	31 tuổi	Quan	2010	32 tuổi	Sát	2011	33 tuổi	Án	2012	34 tuổi
KỶ	SỬU	Mộ	CANH	DÀN	Tuyệt	TÂN	MÙI	Tuyệt	NHÂM	THỊN	Mộ
Kiếp	2014	36 tuổi	Tỷ	ẤT	2015	37 tuổi	Thương	2016	38 tuổi	Thực	2017
GIÁP	NGỌ	Tử		HỢI	Dưỡng	BÍNH	THÂN	Bệnh	NGỌ	DẬU	T.Sinh
T.Tài	2019	41 tuổi	Quan	2020	42 tuổi	Sát	2021	43 tuổi	Án	2022	44 tuổi
KỶ	HỢI	Thai	CANH	TÝ	Tử	TÂN	SƯU	Dưỡng	NHÂM	DÀN	Bệnh
Kiếp	2024	46 tuổi	Tỷ	ẤT	2025	47 tuổi	Thương	2026	48 tuổi	Thực	2027
GIÁP	THỊN	Suy			TÝ	TÝ	BÍNH	NGỌ	ĐINH	MÙI	Q.Đới
T.Tài	2029	51 tuổi	Quan	2030	52 tuổi	Sát	2031	53 tuổi	Án	2032	54 tuổi
KỶ									QUÝ	2033	55 tuổi

KỶ	DẬU	T.Sinh	CANH	I UAI	Suy	I AN	HỢI	M.Dục	NHAM	I Y	Đ.Vượng	QUY	SƯU	Q.Đới
Kiếp GIÁP	2034 DẦN	56 tuổi L.Quan	Tỷ ẤT	2035 MÃO	57 tuổi L.Quan	Thương BÍNH	2036 THÌN	58 tuổi Q.Đới	Thực ĐINH	2037 TY	59 tuổi Đ.Vượng	Tài MẬU	2038 NGỌ	60 tuổi Đ.Vượng

Kim Hòa Thủy Thủ Mộc **⚡ Thiên khắc địa xung**

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tú trụ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tú trụ, bát tự hay tú trụ là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tú trụ là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tú trụ và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tú trụ được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tú trụ này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tú trụ này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tú Trụ

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trù năm **Mùi Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trù tháng **Hợi Thủy** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trù ngày **Mùi Thổ** không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Ất Mộc** gặp địa chi trù giờ **Mão Mộc** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận **.

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 5/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Kỷ** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Ất** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Tử** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Ất** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Tử** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Kỷ** sinh tháng **Hợi** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: **Bính Dần** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: **Canh Ngọ** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Dần Ngọ này thuộc nhóm Dần Ngọ Tuất tam hợp Hỏa, tốt.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **Hỏa**, gặp cung mệnh **Đinh Mão** nạp âm là **HỎA** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Anh phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ năm **Kỷ Mùi** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ tháng **Ất Hợi** nạp âm là **HỎA** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ ngày **Ất Mùi** nạp âm là **Kim** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên **Bính Dần** nạp âm là **HỎA**, gặp trụ giờ **Kỷ Mão** nạp âm là **Thổ** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc ấm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bỗ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Tú Trụ Thuần Âm

Còn gọi là bát tự thuần âm là dạng tú trụ có cả 4 can trong tất cả các trụ chỉ gồm những can âm là: ất, đinh, kỷ, tân, quý. Dạng tú trụ này cũng chiếm 1/16 trên tổ số lượng tú trụ. Câu nói "cô âm bất trường" cũng chính là dùng để ám chỉ cho dạng tú trụ này nghĩa là chỉ toàn âm sẽ không thể sản sinh ra thứ khác và phát triển được. Tính cách của người có dạng tú trụ này sẽ rất nhạy cảm, âm tính, thích suy nghĩ nhiều, thâm trầm, trái ngược hoàn toàn với tú trụ thuần dương. Đây là một người có hướng nội, nên thường tiêu cực hóa mọi vấn đề, là người bi quan, luôn nghĩ về bóng tối, thiên về nữ tính vì tính cách quá âm nhược. Người có tú trụ thuần âm này cũng là người có cơ duyên rất lớn với tôn giáo và cả huyền học, thuật số nữa. Có thể nói tú trụ thuần âm và thuần dương trái ngược hoàn toàn với nhau do chúng là hai thái cực, hai điểm đối lập. Người có tú trụ thuần âm sẽ sống và tiếp xúc chủ yếu với con gái, nữ giới. Đồng thời do tính cách quá âm tính sẽ gây ra một tình trạng là cuộc sống hôn nhân của người có tú trụ thuần âm sẽ giống với tú trụ thuần dương, đó là rất dễ bị đổ vỡ trong hôn nhân, khó kết hôn, hoặc giả nếu có kết hôn thì vợ chồng cũng rất ít khi gặp nhau, nhân duyên với con cái cũng rất mỏng thường là người sống cô độc từ trẻ tới già, cho dù có con cái cũng dễ bị yêu mạng hoặc con cái sống tách biệt, xa rời cha mẹ. Nên cuộc sống về già của người có tú trụ thuần âm và thuần dương là giống nhau hoàn toàn, cô độc, quả giao. Đây cũng là một dạng tú trụ điển hình của các ngôi sao nổi tiếng, nhà văn, tiểu thuyết gia, tầng lớp thầy tu, ni cô, hòa thượng, người đồng tính.

Tổng kết lại thì tú trụ thuần âm này đều có một đặc điểm rất nổi trội đó là nhân duyên với hôn nhân, con cái là rất mỏng nhưng lại có mối kỳ duyên với tôn giáo, thuật số. Đại đa số người đồng tính hiện nay đều có dạng tú trụ dạng nhị thuần này.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Kỷ Mùi** là **Thổ** **Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Át Hợi** là **Thủy sinh Mộc**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Át Mùi** là **Mộc khắc Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Kỷ Mão** là **Mộc khắc Thổ**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chỉ ở mức dưới trung bình, không có gì gọi là sáng sửa, tuy nhiên biết kết hợp thời dụng cơ thầm đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời kia đó sẽ có thể được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 3/8

Tứ Trụ Tam Hợp

Các địa chi Hợi Mão Mùi trong tứ trụ của Quý Anh thuộc tam hợp Mộc.

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai 2 địa chi Mùi Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai 2 địa chi Mùi Hợi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai 2 địa chi Mùi Mão này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

Thân Vượng: **Mộc** 29/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tứ trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân **Mộc** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **29/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **26/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng Mộc**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Mộc** thì dụng thần nên là **Kim** để khắc bớt **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đổ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phun, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Thổ Hỏa (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là Thổ (dụng thần 1)

Hành Thổ đại diện cho màu vàng, nâu, màu của đất, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Đông Bắc, Tây Nam. Thổ đại diện cho các ngành nghề liên quan đến đất đai, bất động sản, nhà đất hoặc các sự vật như núi non, ruộng đồng, xây dựng, đá, cát, xi măng, vật liệu xây dựng, ngành kiến trúc, trung gian môi giới bất động sản, gạch, sứ, vật liệu đá, chất liệu bằng ngọc, phân bón hữu cơ. Chúng tôi không liệt kê ra hết

tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thổ** đều tốt cho Quý Anh vì **Thổ** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thổ**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dung Thần là **Hỏa** (dụng thần 2)

Hành **Hỏa** đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **HỎA** đều tốt cho Quý Anh vì **HỎA** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt cho thân vượng và có cái sẽ tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Kỷ Mùi bị **Ất Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Sửu**.

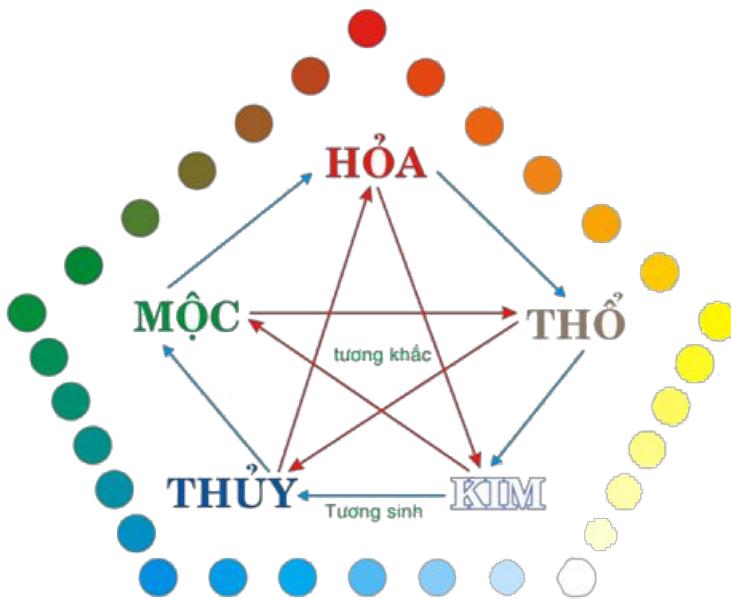
Trụ Tháng Ất Hợi bị **Tân Tỵ** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Tỵ**.

Trụ Ngày Ất Mùi bị **Tân Sửu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Tân Sửu**.

Trụ Giờ Kỷ Mão bị **Ất Dậu** thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Dậu**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sợ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với tú trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoằn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Ngà	Thủy
----------	-----	-----	-----	-----	-----	------

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cằm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lanh lẹ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dấu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tú túệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phương Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

Quý Anh Người Thuộc Mộc Vượng

Người Mộc vượng thường có tầm vóc cao, tay chân dài, khoé miệng tươi, sắc mặt sáng, da trắng đẹp. Là người thanh cao, khảng khái, có lòng bác ái. Tuy nhiên, nếu Mộc quá vượng thường hay mắc bệnh về gan, mật, thần kinh hoặc xương khớp.

Cung Mệnh ở Mão có sao Thiên xích

Quý Anh khảng khái hào phóng, có quyền khiêm tốn mới bền.

Trụ năm của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ năm có thiên tài (tài) xa quê làm ăn phát tài. Trường hợp can thiên tài chi có tỷ kiêm thì bồ bát lợi hoặc chết nơi đất khách. Trường hợp can chi đều là thiên tài thì tuổi nhỏ làm con nuôi.

Trụ tháng của Quý Anh có Tỷ

Trụ tháng có tỷ kiêm (Tỷ) là có anh chị em nuôi hoặc là con nuôi, có khuynh hướng độc lập không dựa vào gia đình, thích tranh luận biện lý tài. Trường hợp tháng chi có tỷ kiêm nữa mà trong trụ không có sao quan thì tính bạo loạn.

Trụ ngày của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ ngày có thiên tài (tài) nếu tọa sao tướng thì lấy được vợ con nhà danh giá, vợ có tài, được vợ trợ giúp. Nói chung thì gặp bạn đời khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, có tài biện bác, có vận tài, thích phù hoa biếu hiện bản thân.

Trụ giờ của Quý Anh có Thiên Tài

Trụ giờ có thiên tài (tài) thì con cái khảng khái, trọng nghĩa khinh tài, thích biện bác, thích đầu cơ. Nếu năm và tháng không có thiên tài mà ngày giờ có thiên tài lại không gặp hình xung, tì, kiếp thì về già phát đạt. Nếu giờ can thiên tài mà giờ chi có tì, kiếp thì thương vợ cả tổn vợ bé.

Trong trụ của Quý Anh có Tiền Thần Quý

Tiền thần quý chủ tính ngay thẳng quyết đoán, gặp việc cứ tiến hành thì tốt nhưng lùi bước ngược lại thành xấu. Mệnh nữ nếu ngày tiền thần lại có sao đào hoa (hàm trì, diên trì) cùng trụ thì dung mạo đẹp đẽ nhưng hiếu sắc, nếu có mang sao quan là mệnh nghiêng nước nghiêng thành.

Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa

nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130)

Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tú trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan.

Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao.

Người tú trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang.

Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt.

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139)

Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh.

Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyện lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc.

Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khắc, lộc gặp thân yếu thì tài kỵ thấy khắc.

Lộc mã từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên.

Lộc sợ nhất là nhập vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định đói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không.

Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ.

Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác.

Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khắc vợ (chồng), khắc cha.

Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc.

Thiên xá (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Thiên xá là ngôi sao gặp hung hóa cát, sao giải tai họa. Trong mệnh gặp nó là có cứu. Đặc biệt đối với người có tội là có dịp may được hoàng đế đại xá, cho nên là sao tốt.

Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiêm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần túy không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cỗ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tú trụ phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không ghen rố trong tập thể.

Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gấp 2 quý nhân trở lên

Trụ năm hoặc trụ tháng gấp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ năm Quý Anh gấp thực thần mà không có kiêu thần là cha mẹ người béo và khỏe, tính cách thành thực.

Nhật nguyên Quý Anh sinh trụ năm thì con hiếu kính cha mẹ.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Ngày giáp ất gặp vận dàn mão.

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dàn mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànх tôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tỉ kiếp khắc cha.

Thiên tài bị khắc thì cha mất trước mẹ.

Thiên tài là cha nhưng ở đất tuyệt tử mội xem như bị khắc

Lệnh tháng là Thủy khắc năm mệnh Hỏa

Lệnh tháng khắc năm thực chất là tháng khắc mệnh năm, tức cha mẹ không toàn vẹn được. Qua thực tiễn

tổng kết kinh nghiệm thấy: tháng khắc năm rất ít khi mẹ mất mà phần nhiều cha mất.

Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thua nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nỗi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.

Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Án tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.

Năm tháng không có tài, quan, ngày giờ không có tài quan là tự mình phán đầu làm nên cơ nghiệp.

Trụ tháng phá tài quan là ông cha nghèo không để gì lại gì, tay trắng dựng cơ đồ.

Trụ năm có thất sát, tỉ kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Anh gặp nhiều là anh chị em đông đúc.

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Mệnh Quý Anh gặp hoa cái là anh em ít.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi Kỷ Mùi hợp với Nữ tuổi Canh Thân - Tân Dậu - Canh Ngọ về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tùy ý chọn.

Nam gặp tỉ kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tỉ kiếp sẽ tranh chồng.

Nam hoặc nữ gặp ngang vai nhiều thì hôn nhân muộn..

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Anh có Tài tinh đóng ở ngày lại là tướng tinh thì nhất định vợ là con nhà phú quý.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là thìn tuất sủu mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phục tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thiên tài là yêu vợ lẽ hơn vợ cả.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kinh dương, hành vận đến lúc gặp kinh dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Quý Anh có Thiên tài trên trụ giờ gặp tì kiếp là vừa phá tổ nghiệp vừa làm tổn thương vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bất kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Trong trụ Quý Anh có thiên tài nhập tạp khí là người phát tài rất lớn.

Quý Anh có Thiên tài và thiên lộc, là cửa tự nhiên không lao động mà có, là được hưởng phúc sẵn có.

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Quý Anh có Thực thần gặp ấn là tiền của ngày một nhiều.

Năm, tháng, giờ đều sinh trợ cho ngày, như thế là ăn thụ sinh của, hành đến vận quan ấn thì sẽ giàu.

Trụ ngày Quý Anh là giáp ất, đến vận mà gặp dần mão thì kiếp tài phá tài.

Trên trụ giờ Quý Anh có thiên tài thì sợ anh em, đến đại vận và lưu niên có Kiếp Tài thì sẽ bị phá tài và tranh tài.

Thiên tài sợ hành vận có tý kiếp, vì gặp vận đó sẽ phá tài, bại tài.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tý kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tý và kiếp.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quan Vận

Trụ Quý Anh không Tài cũng không có Quan, khó mà có chức tước.

Quý Anh có Tháng Ân sinh cho ngày, không có Tài tinh, văn chương giỏi giang, đi thi là đậu.

Quý Anh Có Ân không có Sát thiếu uy phong.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, đừng ham tìm kiêm công danh.

Quý Anh có Tỷ Kiên gấp Lộc, anh em danh cao.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Tỷ Kiếp trùng điệp, không hợp làm quan hoặc nghề công thương nghiệp, nên theo nghề y, kế toán, thầy giáo hoặc ngành nghề tự do là hợp nhất.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thổ

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Thổ**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thổ, như cố định thực nghiệp, khoáng mỏ, nông nghiệp thu hoạch, người trung giới, giới thiệu, luật sư, quan tòa, quản lý, cố vấn, thư ký, nhà đất bất động sản, kiến trúc, thiết kế... Lợi Trung Nam, bất lợi Đông Bắc.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lầy át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh Trong Tú trụ không có sao con, trụ giờ lại không vượng thì khi đến đại vận lưu niên nếu có quan sát vượng mới có con cái, quá vận đó thì không có con nữa.

Quý Anh có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Trụ nhật Quý Anh làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Dụng thần ở trụ giờ là con cái giúp đỡ được cha mẹ.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp át, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mão, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con

trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày can giờ khắc nhau nên lần sinh đầu là con trai.

Cung con cái Quý Anh ở hưu, tú, tử, tuyệt, bệnh là có con cũng như không.

Tử trụ Quý Anh thuần âm thì khó có con.

Quý Anh Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Mão dậu đóng Quý Anh ở trụ giờ thì mắt to hoặc là mắt hiếng, bình thường hay lêu lổng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Anh có Tỷ kiêm nhiều, cả đời ít ốm đau.

Quý Anh Sinh mùa đông, mạng không có hỏa, chi dưới bị hàn lạnh.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng hễ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Kim chủ về phổi, bị hỏa xung khắc, tửu sắc thành bệnh.

Thổ hư mộc vượng, nhất định tỳ vị bị tổn thương.

Án là hỏa thổ, nhiệt làm sinh đờm, tháo làm mình mẩy bị ngứa.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tử trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tú sửu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đé Vượng, Lâm Quan, Quan Đói... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Án, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đói	Lâm Quan	Đé Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: Thương (Thương Quan), Thực (Thực Thần), Tài (Chánh

Tài), **T.Tài**(Phiên Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiên Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng truwong sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng truwong sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng truwong sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của túc trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng truwong sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của tru đó, và để biết sự mạnh yếu của túc trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các tru, sự bối cục các sao của tru..., nếu Quý Anh chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở tru năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thần		Tỷ	Suy	Dưỡng	
CANH	THẦN	L.Quan	CANH	THÌN	Dưỡng	KÝ	MÙI	Q.Đới	T.Tài	QUÝ	DẬU
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Ký	Át	Đinh	Tân		
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiếp	Thực		
Dưỡng	Q.Đới	Mộ	Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	Suy	Q.Đới	Suy	Mộ		

Ý Nghĩa của túc trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiêng niêng của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, không chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyến bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụy lạc...

3. Án (Chánh án) là cái sinh ra tội, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, án có nghĩa là con dâu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính án là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính án, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính án, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên án) là cái sinh phù tội, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tú trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dậu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cáp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cáp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, khắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dậu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cáp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí manh động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dậu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tồn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhặt can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chung tuyển, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược c.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám dung đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiền thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự如意.

Trân Trọng.

XemTuong.net